

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08.11.2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân*:
 1. Ông Tăng Tài Thủ
 2. Bà Thái Ánh Trinh
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Kim Xa - Kiểm sát viên.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nhàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, tp. Cần Thơ.

Ngày 08 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2022/TLST.HNGĐ ngày 09.9.2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phạm Tấn T** sinh năm 1969
cư ngụ khu vực X, phường Y, quận T, tp. Cần Thơ.
2. Bị đơn: Bà **Trương Thị H** sinh năm 1971
cư ngụ khu vực X, phường Y, quận T, tp. Cần Thơ.
(vắng mặt)
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
 - 3.1. Chị Phạm Thị Bích N sinh năm 1987
cư ngụ khu vực X, phường Y, quận T, tp. Cần Thơ.
 - 3.2. Anh Phạm Trương Tấn P sinh ngày 19.9.2004
cư ngụ khu vực X, phường Y, quận T, tp. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 08.8.2022, nguyên đơn ông Phạm Tấn T trình bày*: Do tự nguyện quen biết tìm hiểu và yêu thương nhau nên ông với bà Trương Thị H được gia đình hai bên tác hợp, tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1986, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân

(UBND) phường Y, quận T ngày 04.5.2005. Sau khi chung sống, vợ chồng sống chung gia đình chồng tại khu vực X, phường Y đến khi ly thân.

Do vợ chồng thường hay cãi vã, không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên từ tháng 02.2022 ông bà quyết định sống ly thân từ đó đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Bích N, sinh năm 1987 và cháu Phạm Trương Tân P, sinh ngày 19.9.2004. Hiện con chung đã trưởng thành, lao động bình thường; Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên ông Tài yêu cầu ly hôn đối với bà Trương Thị H.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 11.10.2022, bị đơn bà Trương Thị H trình bày:* Bà thừa nhận tự nguyện chung sống như vợ chồng với ông Phạm Tấn T từ năm 1986, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND phường Y, quận T ngày 04.5.2005. Từ khi sống chung, vợ chồng cất nhà ở riêng tại khu vực X, phường Y đến khi ly thân.

Do ông T có mối quan hệ với người phụ nữ khác và chủ động sống ly thân với bà nên từ tháng 9.2022 thì ông T ra sống riêng, ly thân với bà từ đó đến nay.

Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Bích N, sinh năm 1987 và cháu Phạm Trương Tân P, sinh ngày 19.9.2004. Hiện con chung đã trưởng thành, lao động bình thường; Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Nay ông T yêu cầu ly hôn thì bà H không đồng ý ly hôn mà yêu cầu được đoàn tụ với ông T.

Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng giữa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt/bị đơn giữ theo yêu cầu ban đầu.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Phạm Tấn T đối với bị đơn bà Trương Thị H; *Về con chung*: đã trưởng thành, lao động bình thường nên không đặt vấn đề nuôi con và cấp dưỡng; *Về tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, sau này nếu có phát sinh tranh chấp thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Ông Phạm Tấn T với bà Trương Thị H được gia đình hai bên tác hợp tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Y, quận T nên hôn nhân của ông bà được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, ông T có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn ông Phạm Tấn T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Trương Thị H đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng để triệu tập tham gia phiên tòa (lần thứ 2) nhưng bà H vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử có căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Ông T, bà H chung sống từ năm 1986, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo ông T thì do tính tình vợ chồng không hòa hợp, hay cãi vã, bà H thường xuyên đe dọa, hành hung ông; còn bà H cho rằng ông T có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên từ tháng 9.2022 ông T ra khỏi nhà để sống ly thân với bà từ đó đến nay.

Quá trình giải quyết vụ kiện, ông T kiên quyết ly hôn; bà H yêu cầu được đoàn tụ. Nhưng thực tế từ khi ly thân đến nay vợ chồng đã bỏ mặc mà không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy, tình trạng vợ chồng giữa ông T với bà H đã thật sự rạn nứt, thực tế hôn nhân đã chấm dứt, đời sống chung không thể tồn tại kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[4] *Về con chung*: Ông T bà H thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Bích N, sinh năm 1987 và Phạm Trương Tấn P, sinh ngày 19.9.2004. Hiện con chung đã trưởng thành, lao động bình thường. Các đương sự thống nhất không đặt vấn đề nuôi con và cấp dưỡng.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn ông Phạm Tấn T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, điều 53, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Tấn T đối với bị đơn bà Trương Thị H.

1. *Về hôn nhân*: Ông Phạm Tấn T được ly hôn với bà Trương Thị H.

2. *Về con chung*: tên Phạm Thị Bích N sinh năm 1987 và Phạm Trương Tấn P sinh ngày 19.9.2004 - đã trưởng thành, lao động bình thường nên nguyên/bị đơn không yêu cầu giải quyết. Do đó, Tòa án không đề cập giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng cho con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc trình bày không có tài sản chung, nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Ông Phạm Tấn T phải nộp 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông T đã nộp theo phiếu thu số 0004597 ngày 09.9.2022 được chuyển thành án phí. Ông T đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương, nguyên đơn/bị đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND quận T.
- THA quận T.
- UBND phường Y (nơi đkkh).
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền